

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Triệu Khánh Long

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hán Thị Trung A**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2020 (BL01), biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020 (BL20) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hán Thị Trung A trình bày: Vào năm 2013 chị Hán Thị Trung A và anh Huỳnh Văn B có tổ chức lễ cưới và đến năm 2014 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Ninh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2014. Sau lễ cưới chị A và anh B về sống bên nhà cha mẹ ruột của chị A tại Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Ninh Thuận được một thời gian thì hai vợ chồng cùng

thuê nhà ở Thành phố M để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì cuộc sống không còn hạnh phúc nữa do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, nên thường hay cãi vã với nhau và hai người đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian chung sống với nhau chị A và anh B có 01 người con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 20/01/2014 (nam) hiện cháu đang do chị A nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Văn N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B, nhưng anh B không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị A, đồng thời anh B cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh B, giao con chung là Huỳnh Văn N cho chị A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh B, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Trung A, nhận thấy hôn nhân của chị A và anh B là tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Ninh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2014. Quan hệ hôn nhân của chị A và anh B không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2014 vợ chồng bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị A nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh B nên có nguyện vọng ly hôn. Chị A và anh B đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị A và anh B có 01 người con chung tên Huỳnh Văn N, sinh ngày 20/01/2014 (nam) hiện đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị A. Xét thấy, chị A hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị A khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị A khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hán Thị Trung A đối với bị đơn anh Huỳnh Văn B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị Trung A được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Giao con chung Huỳnh Văn N, sinh ngày 20/01/2014 (nam) cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con, anh B có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Văn N thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị A khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị A khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Hán Thị Trung A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0003936, ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị A đã thực hiện xong N vụ nộp án phí. Anh Huỳnh Văn B không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã T, H. T;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng